

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 20-4-2021

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lê.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà La Thị Nhung.

2. Ông Triệu Xuân Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà La Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 52/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 31 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị H, sinh năm 1992; thường trú: Thôn 1B, xã S, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nông Văn T, sinh năm 1989; thường trú: Thôn B, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23-11-2020, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đinh Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Nông Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã L (Nay là xã H), huyện N, tỉnh Bắc Kạn ngày 05/8/2014. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Mậu thuận phát sinh năm 2016, nguyên nhân là do khi mới về chung sống với gia đình anh T, chị và

mẹ chồng không hợp tính tình, nhiều lần cãi nhau; Chị và anh T nhiều lần cãi nhau, đánh nhau vì những mâu thuẫn về tiền bạc, con cái nên dần dần tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vợ chồng chị đã ly thân từ ngày 04/10/2020 cho đến nay không quan tâm gì đến nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc nên kiên quyết xin được ly hôn với anh Nông Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị chưa có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngày 31/12/2020, Tòa án mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại bản tự khai, phiên họp, phiên hòa giải anh Nông Văn T có khai và xác nhận như sau:

Thời điểm kết hôn giữa chị H và anh đúng như chị H trình bày. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Anh T xác nhận mâu thuẫn phát sinh đã được một thời gian do vợ chồng không cùng quan điểm sống, anh thừa nhận những lúc anh nóng tính vợ chồng có xảy ra xô xát, anh có tát và đá vào mồm chị H, sau đó chị H cũng đánh lại anh. Anh và chị H cũng có cãi vã, to tiếng do chưa có con và chị H cũng không hòa thuận được với mẹ anh. Anh và chị H đã ly thân từ tháng 10 năm 2020 đến nay. Nay anh xác định hai bên vẫn còn tình cảm nên anh không nhất trí ly hôn với chị H.

Sau phiên họp, Tòa án đã tiếp tục triệu tập các bên đương sự đến để hòa giải và giải quyết vụ án, tuy nhiên anh T không đến Tòa án, nên Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng có liên quan trong vụ án theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Nông Văn T đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, không cung cấp thêm lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ngày 31/3/2021, Tòa án đã mở phiên tòa sơ thẩm để xét xử vụ án theo quy định của pháp luật, tuy nhiên, bị đơn Nông Văn T vắng mặt không có lý do và không có đơn xin xét xử vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ. Tòa án đã ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa lần 2 vào ngày 20/4/2021.

Tại các biên bản lấy lời khai ngày 15/01/2021 đối với ông Nông Văn Th và bà Lý Thị Đ (bố mẹ đẻ của anh T) – Cùng có địa chỉ tại: Thôn B, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn xác nhận: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T, chị H chỉ có thời gian ngắn sinh sống cùng bố mẹ chồng, cả hai vợ chồng đều đi làm công nhân xa nhà, thỉnh thoảng đến mùa vụ mới về rồi lại đi. Quá trình chung sống, ông bà đều biết

việc chị H, anh T xảy ra mâu thuẫn, có cãi nhau và có nghe là vợ chồng đã từng đánh nhau. Ông bà không biết nguyên nhân mâu thuẫn là gì. Vợ chồng chị H, anh T chưa có con chung.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương (Trưởng thôn B, Công chức Tư pháp xã H) xác nhận: Chị H, anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 05/8/2014, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên đi làm công nhân xa nhà, thỉnh thoảng đến mùa vụ hoặc ngày lễ, tết mới về nhà vài ngày lại đi. Vì vậy, chính quyền địa phương không nắm được việc vợ chồng có mâu thuẫn hay không. Vợ chồng chưa có con chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Văn T; Về con chung: Chưa có. Đối với tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

*** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định, thực hiện thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát người tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70,71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Đối với bị đơn anh Nông Văn T cơ bản đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Có gửi bản tự khai, có tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 1. Tuy nhiên quá trình giải quyết về sau bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

*** Về nội dung vụ án:** Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đinh Thị H về việc xin ly hôn với anh Nông Văn T.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Đinh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H khởi kiện anh T yêu cầu được ly hôn nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh T có nơi cư trú tại Thôn B, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 31/3/2021 và 20/4/2021 nhưng đều vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L (Nay là xã H), huyện N, tỉnh Bắc Kạn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24/2014, ngày 05/8/2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị H và anh T đều xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau nguyên nhân là do không cùng quan điểm sống, mâu thuẫn giữa mẹ anh T và chị H, mâu thuẫn về tiền bạc, kinh tế và những áp lực về con chung do vợ chồng chung sống gần 7 năm nhưng chưa có con. Cả hai đều xác nhận đã nhiều lần xô xát, đánh nhau, anh T có tát, đá vào mồm chị H, chị H cũng đã đánh lại anh T. Qua xác minh tại địa phương, thấy rằng vợ chồng anh T chị H đã phát sinh mâu thuẫn mặc dù chưa được địa phương và hai bên gia đình hòa giải nhưng những mâu thuẫn này vẫn tiếp diễn, điều này phù hợp với lời khai của nguyên đơn, bị đơn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Tuy nhiên, khi hôn nhân đang ngày càng rạn nứt, đứng trên bờ vực đổ vỡ, thay vì cùng nhau cố gắng hàn gắn, níu giữ tình cảm vợ chồng thì anh T lại thường xuyên đánh đập chị H, điều đó đã gây tổn hại đến thể chất, tinh thần của chị H. Anh T, chị H đã sống ly thân từ

tháng 10 năm 2020 đến nay không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn tiếng nói chung nên quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Bên cạnh đó, mặc dù anh T không đồng ý ly hôn nhưng từ khi phát sinh mâu thuẫn đến nay, anh T không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, chị H yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 và các Điều 227, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị H đối với anh Nông Văn T về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị H được ly hôn với anh Nông Văn T.
- Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên không xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 08219, ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Chị Đinh Thị H đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Hiệp Lực;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ